

Name: .....

Vocabulary & Grammar: .....

Class: S4...

Listening: .....

Ngày giao bài: Thứ....., ngày...../.....



Mini Test: .....

Ngày nộp bài: Thứ....., ngày...../.....

## GLOBAL ENGLISH 4

### End of term revision

#### A. VOCABULARY

##### ❖ End of term extra vocabulary

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	<b>junk</b> (n)	rác, đồ vô dụng	7	<b>filter</b> (v)	lọc
2	<b>eco-challenge</b> (n.phr)	thử thách sinh thái	8	<b>bacteria</b> (n)	vi khuẩn
3	<b>field trip</b> (n.phr)	chuyến dã ngoại	9	<b>starve</b> (v)	chết đói, thiếu ăn
4	<b>herb</b> (n)	thảo mộc	10	<b>food supply</b> (n.phr)	cung cấp thực phẩm
5	<b>unplug</b> (v)	rút phích cắm, ngừng kết nối điện	11	<b>marine life</b> (n.phr)	sinh vật biển
6	<b>packaging</b> (n)	bao bì	12	<b>break down</b> (phr.v)	phá vỡ, phân hủy

##### ❖ Extra vocabulary

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	<b>cathedral</b> (n)	thánh đường	4	<b>template</b> (n)	mẫu, khuôn mẫu
2	<b>cassette recorder</b> (n.phr)	máy ghi băng cát-xét	5	<b>practical solution</b> (n.phr)	giải pháp thực tế
3	<b>go for a ride</b> (v.phr)	đi dạo, đi chơi	6	<b>dozens of</b> (quan)	hàng tá, rất nhiều (từ 12 trở lên)

❖ **Note:** *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; n.phr = noun phrase: cụm danh từ; quan = quantifier: lượng từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ đặc biệt; v.phr = verb phrase: cụm động từ.*

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

#### B. HOMEWORK

##### I. Unscramble the letters to make correct sentences. There is one example.

0. Waterproof is a material that does not let water through.

o f o w t e a r p r

1. A(n) \_\_\_\_\_ is a spray or cream used to keep insects away.

t s c n i e t l l e e e r n p

2. We are going on a(n) \_\_\_\_\_ to the zoo tomorrow.

e d f i l p i t r

3. Washing your hands helps to kill \_\_\_\_\_ and keep you healthy.

a a b e i c t r

4. \_\_\_\_\_ is a sport in which you climb rock formations or artificial rock walls.

o r k c i i m c b g n l

5. \_\_\_\_\_ refers to all the plants and animals that live in the ocean.

m i e a n r

e i f l

## II. Read and order the steps 1- 6 to make a website for kids. There is one example

- \_\_\_1\_\_\_ **Register and choose a template:** To create a website for kids, you just have to choose one of the templates you adore or several connected together.
- \_\_\_\_\_ **Include other services:** Need to connect a form to fill in contact data from the people who visit your website? This can be done in a few clicks.
- \_\_\_\_\_ **Design your website:** To make web building for kids a simple and practical solution, try to provide both visual (pictures/drawings) and textual (writings/articles) content.
- \_\_\_\_\_ **Make your site popular:** Website maker for kids contains dozens of tools and features to help you promote your website on the internet.
- \_\_\_\_\_ **Choose a good design:** Websites for school projects, summer activities, learning resources, and much more are available. The most important thing is having a kid-friendly website design.
- \_\_\_\_\_ **Check the website and publish it:** You can not only make a website for kids but also check if it works well after creation. It is best to make sure that the site is working correctly before publishing.

## III. Reorder the words to complete the sentences.

0. a friend / likes / I have / who / playing soccer.

→ I have a friend who likes playing soccer.

1. the book / is / This is / on the table. / which

→ \_\_\_\_\_.

2. She / her homework / have to / before dinner. / doesn't / finish

→ \_\_\_\_\_.

3. on weekends? / clean the house / have to / Do / we

→ \_\_\_\_\_?

4. go to / every Saturday, / They / the park / don't they?

→ \_\_\_\_\_?

5. Tommy / vegetables, / doesn't like / does he? / eating

→ \_\_\_\_\_?

6. my uncle. / The man / is / lives next door / who

→ \_\_\_\_\_.

Con làm bài nghe theo link sau:

[https://soundcloud.com/ms-chi-english/flyers-9\\_test-2\\_part-2](https://soundcloud.com/ms-chi-english/flyers-9_test-2_part-2)**Part 2**

- 5 questions -

Listen and write. There is one example.

**Camping at the farm**

People will camp here for: ..... 5 nights .....

1 Family name: Mr and Mrs .....

2 Number of people in the family: .....

3 Colour of tent: blue with a ..... stripe

4 Might like to use: .....

5 Date that family will leave: ..... June



Con làm bài nghe theo link sau:  
<https://soundcloud.com/ms-chi-english/ket-4-test-1-part-2>

## PART 2

### QUESTIONS 6–10

Listen to Sarah talking to a friend about her holiday photographs.

What place is each person in?

For questions 6–10, write a letter A–H next to each person.

You will hear the conversation twice.

Example:

0 Sarah's mother

E

#### People

6 Caroline

7 Jack

8 Sarah

9 Peter

10 Sarah's father

#### Places

A castle

B cathedral

C hotel

D market

E mountains

F museum

G restaurant

H sea